

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HÒA BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **03/2022/HNGĐ-ST**
Ngày: 27 - 7 - 2022
V/v: *Kiến xin ly hôn*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÒA BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bạch Thị Hồng Hoa

Các Hội thẩm nhân dân Ông Quách Minh Nhiên

Ông Nguyễn Trần Phương

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Quỳnh Nga - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hòa Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hòa Bình: Ông Phạm Văn Minh - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 7 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hòa Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 06/2022/TLST – HNGĐ ngày 30/5/2022 về việc “*Kiến xin ly hôn*”.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 03/2022/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Ng, sinh năm 1984; Địa chỉ: tổ dân phố N 2, phường Trung M, thành phố Hòa B, tỉnh Hòa Bình. Chỗ ở hiện nay: HYOGO KEN, KOBE SHI, NAGATA KU, KARUMODORI 3 - Nhật Bản. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Trần Phương N, sinh năm 1980; Địa chỉ: tổ dân phố N 2, phường Trung M, thành phố Hòa B, tỉnh Hòa Bình. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn ngày 20/5/2022, bản tự khai và đơn xin giải quyết vắng mặt, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ng trình bày:

Chị và anh Trần Phương N kết hôn ngày 06/3/2008 và đăng ký cùng ngày tại UBND xã Trung M, huyện Kỳ S, TP Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình (Nay là phường Trung M, TP Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình). Trước khi kết hôn có thời gian được tự do tìm hiểu, trên cơ sở tự nguyện và được sự nhất trí của hai bên gia đình, tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương. Sau khi kết hôn chị gặp nhiều biến cố nên phải đi xuất khẩu lao động để khắc phục hậu quả, từ đó hai vợ chồng xa cách và phát sinh nhiều mâu thuẫn. Đến nay chị và anh N không tìm được tiếng nói chung trong hôn nhân. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn vắng mặt với anh Trần Phương N.

Về con chung: Anh chị chưa có con chung.

Về tài sản chung, công nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Trần Phương N trình bày:

Anh và chị Nguyễn Thị Ng qua tìm hiểu và tự nguyện đi tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Trung M, huyện Kỳ S, TP Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình (Nay là phường Trung M, TP Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình) vào ngày 06/3/2008. Thời gian đầu vợ chồng chung sống không có mâu thuẫn gì, đến năm 2018 chị Ng quyết định đi xuất khẩu lao động sang Nhật. Từ đó đến nay vợ chồng xa cách nên tình cảm vợ chồng không còn, chị Ng đề nghị ly hôn anh N đồng ý.

Về con chung: Vợ chồng không có con chung.

Về tài sản, công nợ chung: Chúng tôi không có tài sản gì, không vay nợ ai và cũng không cho ai vay nợ gì, nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành xác minh với bà Nguyễn Thị Th, sinh năm 1958, địa chỉ: tổ dân phố N 1, phường Trung M, TP Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình. Bà Thảo là mẹ đẻ của chị Nguyễn Thị Ng cho biết chị Ng kết hôn với anh Trần Phương N và có đăng ký kết hôn ngày 06/3/2008, sau khi kết hôn chị Ng về sống cùng gia đình nhà chồng. Đến năm 2017 chị Ng đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản từ đó đến nay do dịch bệnh Covid nên chị Ng chưa về thăm nhà lần nào. Việc chị Ng muốn ly hôn với anh N bà cũng được biết, nguyên nhân dẫn đến việc con gái bà muốn ly hôn cũng do

những vấn đề nhưng lý do chính là 2 vợ chồng không có con chung nên thống nhất giải thoát cho nhau. Bà Th cam kết nội dung trên là đúng sự thật.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến khi xét xử. Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đây là vụ án kiện xin ly hôn có yếu tố nước ngoài, Tòa án đã thu thập đầy đủ tài liệu chứng cứ, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ng đi xuất khẩu lao động tại nước ngoài, do dịch bệnh không về nước được, nên có đơn xin ly hôn, có bản tự khai và có đơn xin xét xử vắng mặt, hai người đã sống ly thân thời gian dài. Xét việc mâu thuẫn vợ chồng là trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn, cho chị Nguyễn Thị Ng được ly hôn anh Trần Phương N.

Về con chung, tài sản chung, công nợ chung: Không có nên không đề cập giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Quan hệ pháp luật tranh chấp, thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn xin ly hôn, có địa chỉ tại Thành phố Hòa B và đang đi xuất khẩu lao động tại nước ngoài. Quan hệ pháp luật tranh chấp "Ly hôn" thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn có hộ khẩu thường trú tại phường Trung M, TP Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 37, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân tỉnh Hòa Bình, thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[2] Xét đơn xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Ng;

Hội đồng xét xử nhận thấy: Chị và anh Trần Phương N kết hôn ngày 06/3/2008, trước khi kết hôn có thời gian được tự do tìm hiểu, trên cơ sở tự nguyện và được sự nhất trí của hai bên gia đình, có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn tại UBND xã Trung M, huyện Kỳ S, TP Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình (Nay là phường Trung M, TP Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình). Đây là hôn nhân hợp

pháp, được pháp luật thừa nhận. Sau khi kết hôn thời gian đầu hai vợ chồng chung sống hạnh phúc. Trong quá trình sinh sống đến năm 2018 chị Ng đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản, từ đó đến nay chị Ng chưa về nước lần nào. Do hai vợ chồng xa cách trong thời gian dài, không còn quan tâm đến nhau, dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn nữa. Chị Ng xin ly hôn, anh N hoàn toàn đồng ý.

Xét thấy thấy mâu thuẫn gia đình trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Ng, cho chị Ng được ly hôn với anh Trần Phương N.

Về con chung: Vợ chồng anh chị không có con chung nên Tòa án không đề cập giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về án phí: chị Nguyễn Thị Ng phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 37; Điều 39; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 51, 56, 127 của Luật Hôn nhân gia đình. Nghị quyết 326/2017/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

2. Xử: Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Ng.

Cho chị Nguyễn Thị Ng được ly hôn anh Trần Phương N.

3. Về án phí: chị Nguyễn Thị Ng phải chịu 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, được đối trừ 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số 0000864 ngày 26-5-2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hòa Bình.

4. Bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 kể từ ngày tuyên án. Nguyên đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc kể từ ngày bản sao bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh HB;
- Cục THADS tỉnh HB;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bạch Thị Hồng Hoa